

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
(đã được soát xét)

Tháng 8 - Năm 2022

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-24
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-24

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần HTC Holding (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần HTC Holding tiền thân là Công ty Cổ phần Tech - Vina được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104230142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2009. Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần HTC Holding theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13, ngày 25 tháng 5 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lê Hoàng Đài Trang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30/6/2022
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/6/2022
Ông Tạ Tiến Dũng	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30/6/2022
Ông Nguyễn Duy An	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 30/6/2022

Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là:

Ông Tạ Tiến Dũng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/01/2022
Ông Nguyễn Đức Thuận	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17/01/2022

Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là:

Ông Lê Văn Thắng	Kế toán trưởng
------------------	----------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vi Thùy Trang	Trưởng ban
Ông Chử Lương Huân	Thành viên
Bà Phan Thị Nhung	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Tạ Tiến Dũng

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2022



Số: 19/2022/ASCO/BCSX-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Giám đốc
Công ty Cổ phần HTC Holding**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần HTC Holding được lập ngày 14 tháng 8 năm 2022, từ trang 06 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần HTC Holding tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO



Phạm Ngọc Quân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4493-2019-149-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.965.855.426	51.503.140.914
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	186.198.546	258.140.914
111	1. Tiền		186.198.546	258.140.914
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.776.708.611	51.245.000.000
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	6.245.000.000	6.245.000.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	10.000.000	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.521.708.611	45.000.000.000
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		2.948.269	-
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		2.948.269	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		64.600.000.000	22.600.000.000
250	I. Đầu tư tài chính dài hạn	4	64.600.000.000	22.600.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		64.600.000.000	22.600.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		72.565.855.426	74.103.140.914

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.041.005.141	7.867.229.770
310	I. Nợ ngắn hạn		6.041.005.141	7.867.229.770
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	8	5.351.604.065	7.302.751.389
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	110.033.575	118.110.880
314	3. Phải trả người lao động		133.000.000	-
322	4. Quỹ khen thưởng phúc lợi		446.367.501	446.367.501
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		66.524.850.285	66.235.911.144
410	I. Vốn chủ sở hữu	10	66.524.850.285	66.235.911.144
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		60.500.000.000	60.500.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		60.500.000.000	60.500.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		446.367.502	446.367.502
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.578.482.783	5.289.543.642
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		5.289.543.642	5.289.543.642
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		288.939.141	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		72.565.855.426	74.103.140.914

Lê Văn Thắng
Người lập

Lê Văn Thắng
Kế toán trưởng



Tạ Tiến Dũng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/6/2022	đến 30/6/2021 (Trình bày lại)
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12	37.836.000.000	18.920.056.984
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.836.000.000	18.920.056.984
11	4. Giá vốn hàng bán	13	37.174.000.000	18.560.467.581
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		662.000.000	359.589.403
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	14	103.191	68.792.034
22	7. Chi phí tài chính	15	39.894	126.349.288
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	114.743.295
25	8. Chi phí bán hàng	16	-	502.085.446
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	290.788.323	551.952.538
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		371.274.974	(752.005.835)
31	11. Thu nhập khác	18	-	1.025.533.849
32	12. Chi phí khác	19	8.072.859	162.497.477
40	13. Lợi nhuận khác		(8.072.859)	863.036.372
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		363.202.115	111.030.537
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	74.262.974	54.705.603
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>288.939.141</u>	<u>56.324.934</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	48	9
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22	11	9



Lê Văn Thắng
Người lập



Lê Văn Thắng
Kế toán trưởng



Tạ Tiến Dũng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/6/2022	đến 30/6/2021
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		363.202.115	111.030.537
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		-	1.334.601.316
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		39.894	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(103.191)	(455.246.657)
06	- Chi phí lãi vay		-	114.743.295
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		363.138.818	1.105.128.491
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		43.465.343.120	(62.869.154.267)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		-	20.803.027.005
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		(1.900.487.603)	(1.821.720.870)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	4.650.215.849
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(114.743.295)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(38.899.881)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		41.927.994.335	(38.286.146.968)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	11.927.272.727
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(42.000.000.000)	-
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	40.500.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		103.191	111.784
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(41.999.896.809)	52.427.384.511

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/6/2022	đến 30/6/2021
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	5.958.203.800
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(18.670.192.300)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	(718.229.176)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		-	<i>(13.430.217.676)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(71.902.474)	711.019.867
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		258.140.914	160.002.243
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(39.894)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>186.198.546</u>	<u>871.022.110</u>



Lê Văn Thắng
 Người lập

Lê Văn Thắng
 Kế toán trưởng

Tạ Tiến Dũng
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần HTC Holding tiền thân là Công ty Cổ phần Tech - Vina được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104230142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2009. Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần HTC Holding theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13, ngày 25 tháng 5 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 60.500.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 60.500.000.000 đồng; tương đương 6.050.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty niêm yết cổ phiếu tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán CET.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh sản xuất, thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên;
- Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chung cất;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng và ván mỏng khác;
- Bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu và các thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ, vật liệu tết bện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì.

...

Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 03 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 02 người).

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.9 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

2.10 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.11 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.12 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính 2022.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	177.893.094	179.117.912
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.305.452	79.023.002
	186.198.546	258.140.914

4 . ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2022			01/01/2022		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park	49.000.000.000	-	-	7.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại An Phát Holding	15.600.000.000	-	-	15.600.000.000	-	-
	64.600.000.000	-	-	22.600.000.000	-	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Thông tin chi tiết về các công ty khác của Công ty vào ngày 30/06/2022 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park (i)	Áp 4 , Xã Thanh Lợi, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	16,33%	16,33%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Tur vản, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (chi tiết: Tur vản, môi giới bất động sản) Xây dựng nhà để ở; nhà không để ở; Xây dựng công trình đường sắt; công trình đường bộ; Xây dựng công trình điện, công trình cấp thoát nước. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (chi tiết: mua bán xe ô tô); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng và thiết bị lắp đặt trong xây dựng)
- Công ty Cổ phần Thương mại An Phát Holding (ii)	Tầng 6, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	19,50%	19,50%	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (chi tiết: kinh doanh nhà hàng; khách sạn).

(i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 03/2021/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 28/12/2021 quyết định mua lại cổ phần của ông Dương Phú Quốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park. Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 29 tháng 12 năm 2021 ký với ông Dương Phú Quốc, Công ty đã mua lại 4.900.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park, tương đương 16,3% vốn điều lệ (hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 29/12/2021). Đến ngày 30/6/2022 Công ty đã hoàn thành việc mua bán cổ phần với ông Dương Phú Quốc. Theo Báo cáo tài chính năm 2021, Công ty Cổ phần Đầu tư Dianond Park đang trong giai đoạn đầu tư, mua sắm tài sản cố định, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

(ii) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 03/2021/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 28/12/2021, Công ty quyết định đầu tư số tiền 15.600.000.000 VND vào Công ty TNHH Thương mại An Phát, chiếm 19,5% vốn điều lệ. Đến ngày 30/6/2022, Công ty đã chuyển góp đủ 15.600.000.000 đồng. Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 08/08/2022, Công ty TNHH Thương mại An Phát đã thay đổi loại hình doanh nghiệp và đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại An Phát Holding. Công ty Cổ phần Thương mại An Phát Holding đang hoạt động kinh doanh bình thường.

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Herbal Organic Việt Nam	45.000.000	-	45.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Đông Xuyên (i)	6.200.000.000	-	6.200.000.000	-
	6.245.000.000	-	6.245.000.000	-

(i) Khách hàng đã thanh toán trong tháng 7 năm 2022.

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Vũ Minh Cường	10.000.000	-	-	-
	10.000.000	-	-	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	1.521.708.611	-	45.000.000.000	-
Nguyễn Thanh Lan (i)	-	-	20.000.000.000	-
Nguyễn Đức Thuận (i)	-	-	20.000.000.000	-
Tạ Tiến Dũng	1.521.708.611	-	3.000.000.000	-
Nguyễn Phú Nam (i)	-	-	2.000.000.000	-
	1.521.708.611	-	45.000.000.000	-

(i) Theo Nghị quyết số 07/2022/CET/NQ-HĐQT ngày 20/6/2021, Công ty tạm ứng cho các đối tượng để phục vụ các thủ tục ban đầu của dự án Khu nghỉ dưỡng kết hợp Nông nghiệp công nghệ cao tại Vân Hồ, Mộc Châu, Sơn La. Trong năm 2022, Công ty đã thu hồi lại các khoản tạm ứng này theo nghị quyết số 02/2022/CET/NQ-HĐQT ngày 06/01/2022 để thực hiện đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park.

Phải thu khác là các bên liên quan

	1.521.708.611	-	23.000.000.000	-
--	----------------------	----------	-----------------------	----------

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 26)

8 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ	VND	năng trả nợ
Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam	-	-	1.202.500.000	1.202.500.000
Công ty Cổ phần GAVI	5.338.000.000	5.338.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Phải trả các đối tượng khác	13.604.065	13.604.065	100.251.389	100.251.389
	5.351.604.065	5.351.604.065	7.302.751.389	7.302.751.389

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	82.340.279	-	82.340.279	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	35.770.601	74.262.974	-	110.033.575
Thuế Thu nhập cá nhân	-	7.444.444	7.444.444	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	118.110.880	84.707.418	92.784.723	110.033.575

10 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	60.500.000.000	446.367.502	5.161.639.279	66.108.006.781
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	127.904.363	127.904.363
Số dư cuối kỳ trước	60.500.000.000	446.367.502	5.289.543.642	66.235.911.144
Số dư đầu năm nay	60.500.000.000	446.367.502	5.289.543.642	66.235.911.144
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	288.939.141	288.939.141
Số dư cuối kỳ này	60.500.000.000	446.367.502	5.578.482.783	66.524.850.285

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Trần Hoàng Cường	23,97%	14.500.000.000	23,97%	14.500.000.000
Lê Thị Tuyết Vân	20,33%	12.300.000.000	16,53%	10.000.000.000
Nguyễn Minh Thùy	11,50%	6.960.000.000	11,50%	6.960.000.000
Nguyễn Tấn Thọ	8,73%	5.278.650.000	0,00%	-
Cổ đông khác	35,47%	21.461.350.000	48,00%	29.040.000.000
	100%	60.500.000.000	100%	60.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDINGSố 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.500.000.000	60.500.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>60.500.000.000</i>	<i>60.500.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>60.500.000.000</i>	<i>60.500.000.000</i>

Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.050.000	6.050.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	6.050.000	6.050.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>6.050.000</i>	<i>6.050.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.050.000	6.050.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>6.050.000</i>	<i>6.050.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Các quỹ công ty

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	446.367.502	446.367.502
	446.367.502	446.367.502

11 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	30/06/2022	01/01/2022
- Đồng Đô la Mỹ (USD)	63,25	63,25
- Đồng Euro (EUR)	50,80	50,80

12 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	37.836.000.000	18.920.056.984
	37.836.000.000	18.920.056.984

13 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	37.174.000.000	18.560.467.581
	37.174.000.000	18.560.467.581

14 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	103.191	111.784
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	68.680.250
	103.191	68.792.034

15 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	114.743.295
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	11.605.993
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	39.894	-
	39.894	126.349.288

16 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	31.727.763
Chi phí nhân công	-	42.163.900
Chi phí công cụ, đồ dùng	-	41.184.622
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	14.057.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	311.567.648
Chi phí khác bằng tiền	-	61.384.030
	-	502.085.446

17 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	12.410.030
Chi phí nhân công	210.000.000	112.621.564
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.863.636	53.541.294
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	215.699.446
Thuế, phí, lệ phí	9.644.000	46.219.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.280.687	90.221.308
Chi phí khác bằng tiền	-	21.239.403
	290.788.323	551.952.538

18 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 (Trình bày lại)
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	1.287.259
Lãi do đánh giá lại tài sản	-	453.847.614
Thu nhập khác	-	570.398.976
	-	1.025.533.849

19 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 (Trình bày lại)
	VND	VND
Các khoản bị phạt	8.072.859	85.105.651
Chi phí khác	-	77.391.826
	8.072.859	162.497.477

20 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	363.202.115	111.030.537
Các khoản điều chỉnh tăng	8.112.753	-
- Chi phí không được trừ	8.112.753	-
Thu nhập tính thuế TNDN	371.314.868	111.030.537
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	74.262.974	22.206.107
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	35.770.601	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	110.033.575	22.206.107

21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	288.939.141	56.324.934
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	288.939.141	56.324.934
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	6.050.000	6.050.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	48	9

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

22 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	288.939.141	56.324.934
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	288.939.141	56.324.934
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	6.050.000	6.050.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	20.000.000	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	11	9

(i) Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2022 ngày 23/6/2022 thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ, theo đó Công ty dự kiến phát hành thêm 20.000.000 cổ phần nâng tổng số cổ phần của Công ty lên 26.050.000 cổ phần, vốn điều lệ của Công ty tăng lên thành 260.500.000.000 đồng.

23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	7.569.666.269
Chi phí nhân công	210.000.000	154.785.464
Chi phí công cụ, đồ dùng	2.863.636	94.725.916
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	1.334.601.316
Thuế, phí, lệ phí	9.644.000	46.219.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	401.788.956
Chi phí khác bằng tiền	68.280.687	82.623.433
	290.788.323	9.684.410.847

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

25 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 về việc hướng dẫn thực hiện 06 (sáu) chuẩn mực kế toán ban hành theo quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005.

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	
Tạ Tiến Dũng Nguyễn Đức Thuận Công ty Cổ phần Thương mại An Phát Holding	Giám đốc Giám đốc (đã miễn nhiệm) Công ty có cùng Giám đốc	
Giao dịch phát sinh trong kỳ:		
	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
	VND	VND
Thu tạm ứng	21.487.186.300	-
Tạ Tiến Dũng	1.487.186.300	-
Nguyễn Đức Thuận	20.000.000.000	-
Chuyển tiền tạm ứng	8.894.911	-
Tạ Tiến Dũng	8.894.911	-
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ:		
	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu khác về tạm ứng	1.521.708.611	23.000.000.000
Tạ Tiến Dũng	1.521.708.611	3.000.000.000
Nguyễn Đức Thuận	-	20.000.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác	15.600.000.000	15.600.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại An Phát Holding	15.600.000.000	15.600.000.000
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:		
	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	90.000.000	57.790.650
Thu nhập của Kế toán trưởng	90.000.000	22.522.713

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại cho phù hợp với quy định hiện hành để so sánh với số liệu năm nay

Mã số	Từ 01/01/2021		Điều chỉnh	Từ 01/01/2021
	đến 30/6/2021			(Trình bày lại)
	VND	VND	VND	VND
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh				
Thu nhập khác	31	12.951.519.317	(11.925.985.468)	1.025.533.849
Chi phí khác	32	12.088.482.945	(11.925.985.468)	162.497.477



Lê Văn Thắng
Người lập



Lê Văn Thắng
Kế toán trưởng



Tạ Tiến Dũng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2022